FireAnt

CTCP Cấp nước Thanh Hóa (UPCOM: THN)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**5,100**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	5,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,261
SL cổ phiếu LH	32,995,411
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	168
P/E	2.6
EPS	1,951

DT thuần

Q1/25

106

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.00| -5.2%

YoY: ▲ 3.00| 3.1%

LN sau thuế

Q1/25

10.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼13.3| -56.5%

YoY: ▲ 1.83| 22.1%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

17.4%

+/- YoY: ▲ 3.2%

DT thuần

2024

456

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 27.0| 6.4%

LN sau thuế

2024

62.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 14.5| 30.6%

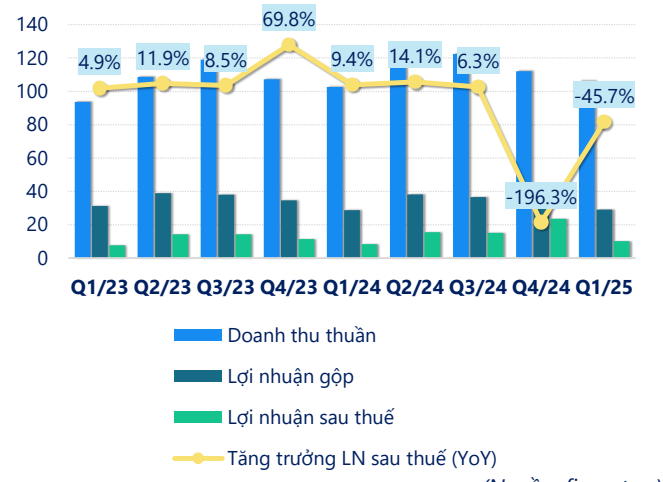
ROE

2024

14.9%

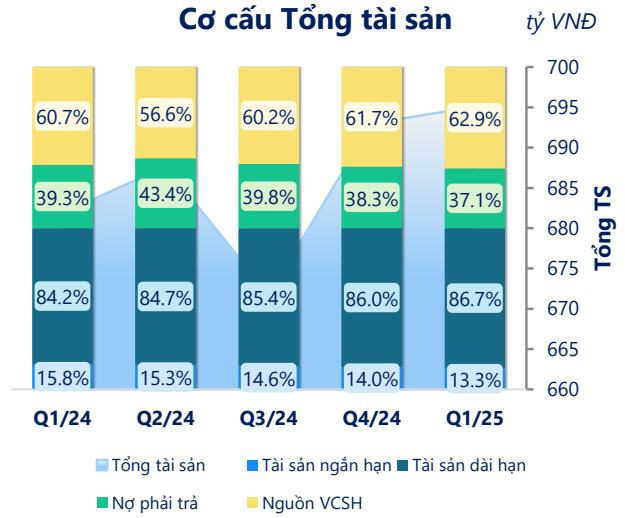
+/- YoY: ▲ 3.0%

Kết quả kinh doanh



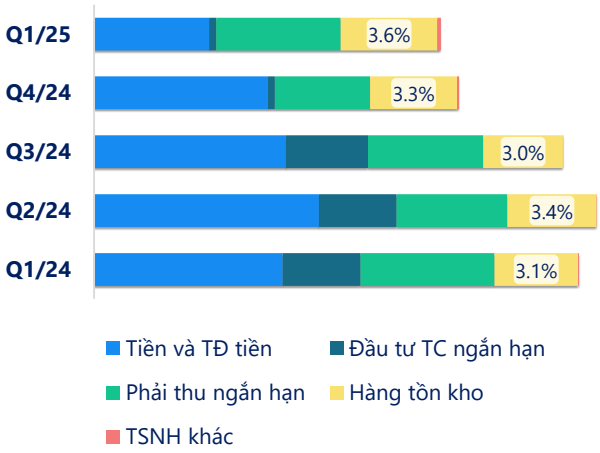
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



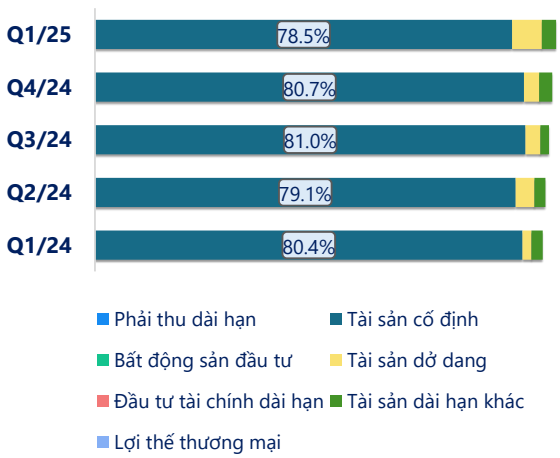
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



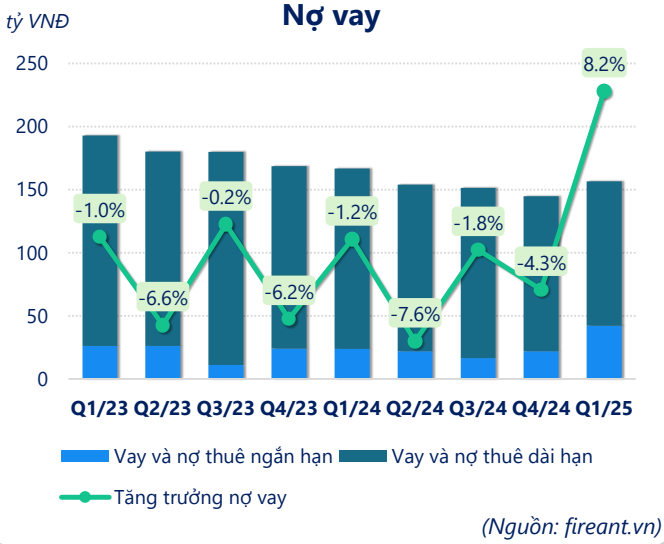
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



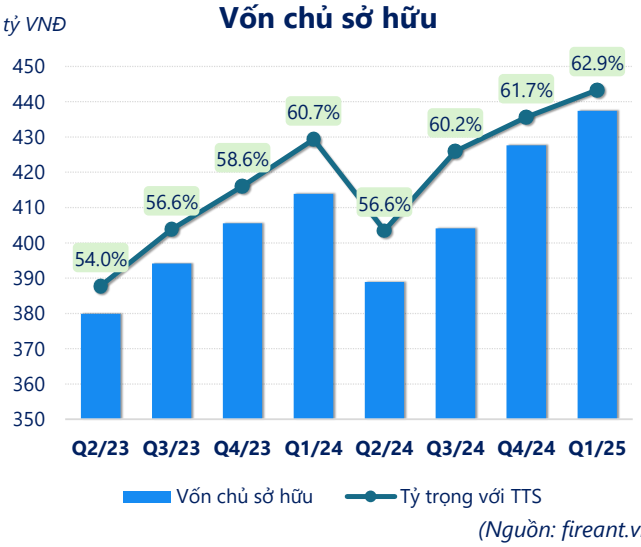
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



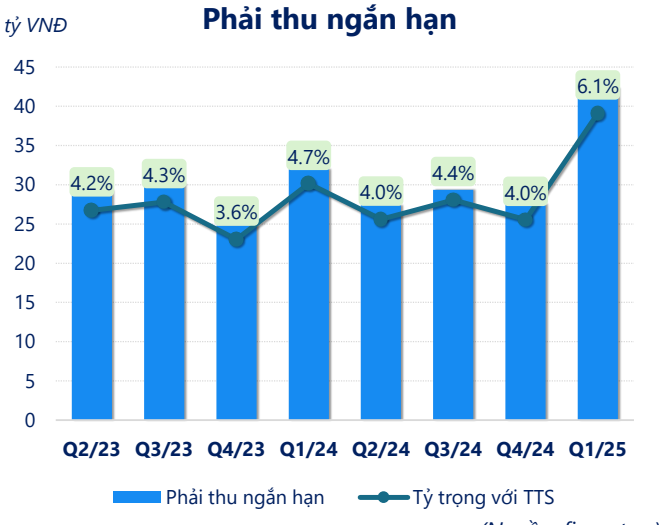
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



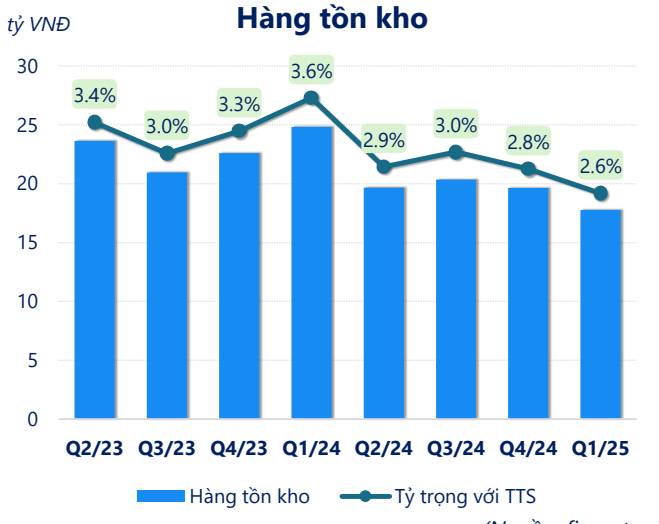
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



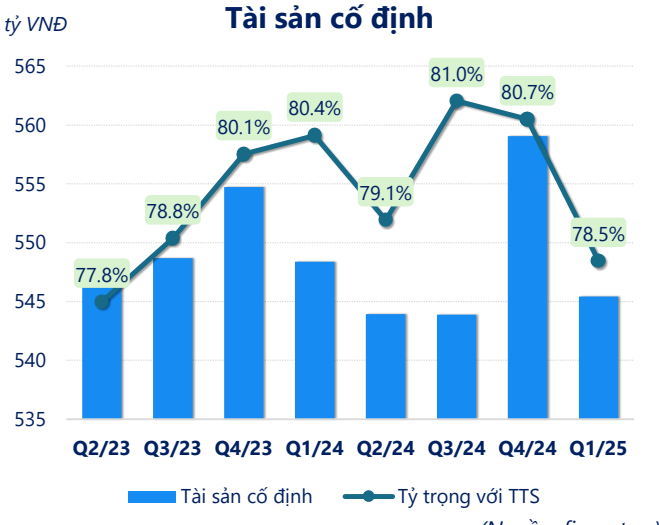
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



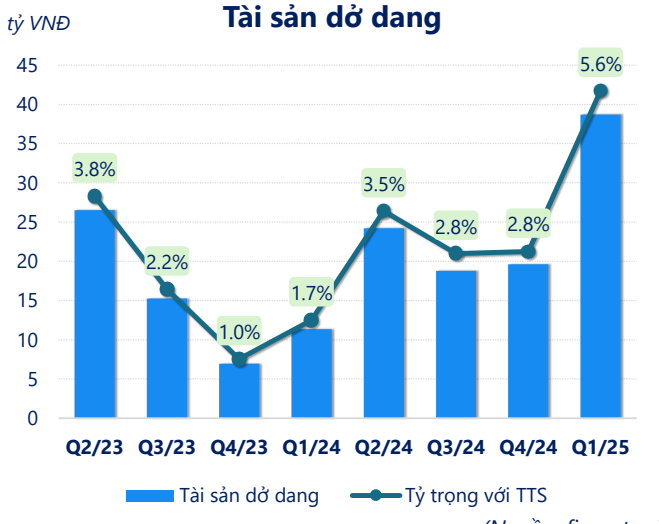
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



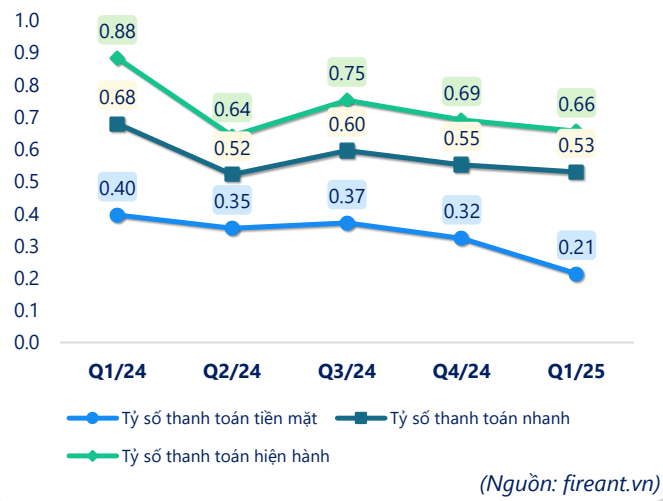
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



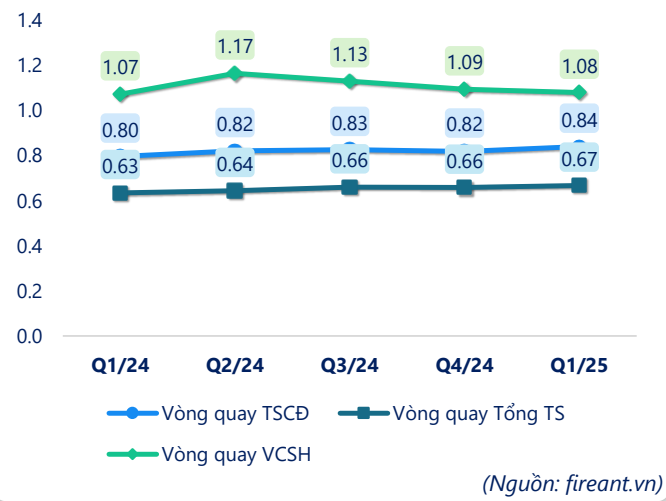
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**682**	**688**	**672**	**693**	**695**
Tài sản ngắn hạn	**108**	**105**	**98.2**	**96.9**	**92.4**
Tiền và tương đương tiền	48.3	58.2	48.5	45.4	30.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.77	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	32.0	27.4	29.3	27.5	42.3
Hàng tồn kho	24.8	19.7	20.3	19.6	17.8
Tài sản ngắn hạn khác	0.90	0.05	0.03	4.35	2.21
Tài sản dài hạn	**574**	**582**	**574**	**596**	**603**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	548	544	544	559	545
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	11.4	24.2	18.8	19.6	38.7
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	14.4	14.3	10.9	17.4	18.6
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**268**	**299**	**268**	**265**	**258**
Nợ ngắn hạn	**122**	**164**	**131**	**140**	**141**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	23.7	21.8	16.6	21.8	42.3
Phải trả người bán ngắn hạn	22.4	34.7	19.5	28.0	23.1
Nợ dài hạn	146	135	137	125	117
Vay và nợ thuê dài hạn	143	132	135	123	114
Nguồn vốn chủ sở hữu	**414**	**389**	**404**	**428**	**437**
Vốn chủ sở hữu	**414**	**389**	**404**	**428**	**437**
Vốn điều lệ	330	330	330	330	330
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)